

QUYẾT ĐỊNH

Công bố công khai minh bạch

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý IV và 6 tháng cuối năm 2025

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM HỖ TRỢ SINH VIÊN

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật phòng, chống tham nhũng ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Theo đề nghị của phòng Kế hoạch – Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai minh bạch tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý IV và 6 tháng cuối năm 2025 (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) trưởng các phòng chức năng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *nck*

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Đăng tải Website
- Lưu: KHTC, TC03

GIÁM ĐỐC *nh*



Vũ Văn Thắng

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV/2025

(Kèm theo Quyết định số 01/QĐ - HTSV - KHTC ngày 10 tháng 01 năm 2026)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Trung tâm Hỗ trợ Sinh viên công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý IV/2025 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/ 6 tháng/ năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	11.314	3.554	31%	73%
I	Nguồn ngân sách trong nước	11.314	3.554	31%	73%
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	11.314	3.554	31%	73%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.850	2.612	38%	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.464	924	21%	

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



[Handwritten signature]

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018
của Bộ Tài chính

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG
CUỐI NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 01/QĐ - HTSV - KHTC ngày 10 tháng 01 năm 2026)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Trung tâm Hỗ trợ Sinh viên công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2025 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/ 6 tháng/ năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	11.314	4.486	40%	54%
I.	Nguồn ngân sách trong nước	11.314	4.486	40%	54%
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	11.314	4.486	40%	54%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.850	3.544	52%	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.464	924	21%	

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



[Handwritten signature]